

CÔNG TY TNHH CHỨNG KHOÁN ACB

**BÁO CÁO TỶ LỆ AN TOÀN TÀI CHÍNH
TẠI NGÀY 30 THÁNG 6 NĂM 2012**





BÁO CÁO KẾT QUẢ CÔNG TÁC SOÁT XÉT BÁO CÁO TỶ LỆ AN TOÀN TÀI CHÍNH GỬI CHỦ SỞ HỮU CÔNG TY TNHH CHỨNG KHOÁN ACB

Chúng tôi đã thực hiện công tác soát xét Báo cáo tỷ lệ an toàn tài chính tại ngày 30 tháng 6 năm 2012 kèm theo của Công ty TNHH Chứng Khoán ACB ("Công ty") được Ban Tổng Giám đốc của Công ty phê duyệt vào ngày 15 tháng 8 năm 2012. Việc lập và trình bày Báo cáo tỷ lệ an toàn tài chính tại ngày 30 tháng 6 năm 2012 phù hợp với Thông tư số 226/2010/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 31 tháng 12 năm 2010 thuộc trách nhiệm của Ban Giám đốc Công ty. Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra báo cáo kết quả soát xét về tỷ lệ an toàn tài chính này trên cơ sở công tác soát xét của chúng tôi.

Phạm vi soát xét

Chúng tôi đã thực hiện công tác soát xét Báo cáo tỷ lệ an toàn tài chính này theo Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam số 910 – "*Công tác soát xét báo cáo tài chính*". Các chuẩn mực này yêu cầu công tác soát xét phải lập kế hoạch và thực hiện để có sự đảm bảo vừa phải rằng Báo cáo tỷ lệ an toàn tài chính tại ngày 30 tháng 6 năm 2012 không chứa đựng những sai sót trọng yếu. Công tác soát xét bao gồm chủ yếu là việc trao đổi với nhân sự của Công ty và áp dụng những thủ tục phân tích trên những thông tin tài chính; công tác này cung cấp một mức độ đảm bảo thấp hơn công tác kiểm toán. Chúng tôi không thực hiện công việc kiểm toán nên không đưa ra ý kiến kiểm toán.

Kết quả soát xét

Trên cơ sở kết quả công tác soát xét của chúng tôi, chúng tôi không thấy có sự kiện nào để chúng tôi cho rằng Báo cáo tỷ lệ an toàn tài chính tại ngày 30 tháng 6 năm 2012 kèm theo đây không phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu phù hợp với Chuẩn mực Kế toán Việt Nam và Thông tư số 226/2010/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 31 tháng 12 năm 2010.



Ian Lydall
Số chứng chỉ KTV: N.0559/KTV
Chủ tịch

Trần Hồng Kiên
Số chứng chỉ KTV: 0298/KTV

Công ty TNHH PricewaterhouseCoopers (Việt Nam)
TP. Hồ Chí Minh, nước CHXHCN Việt Nam
Báo cáo soát xét số HCM3309
Ngày 15 tháng 8 năm 2012

Công ty TNHH Chứng khoán ACB
Số Công văn: 113.6/CV - ACBS.12

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

V/v: Báo cáo chỉ tiêu an toàn tài chính

Tp.HCM, ngày 15 tháng 8 năm 2012

Kính gửi: Ủy ban Chứng khoán Nhà nước

BÁO CÁO TỶ LỆ AN TOÀN TÀI CHÍNH

Tại thời điểm: Ngày 30 tháng 6 năm 2012

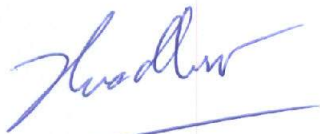
Chúng tôi cam đoan rằng:

- (1) Báo cáo được xây dựng trên cơ sở số liệu được cập nhật tại ngày lập báo cáo và được lập theo đúng các quy định tại Thông tư số 226/2010/TT-BTC ngày 31/12/2010 của Bộ Tài chính quy định về chỉ tiêu an toàn tài chính và biện pháp xử lý đối với các tổ chức kinh doanh chứng khoán không đáp ứng các chỉ tiêu an toàn tài chính;
- (2) Đối với những vấn đề có thể ảnh hưởng đến tình hình tài chính của Công ty phát sinh sau ngày lập báo cáo này, chúng tôi sẽ cập nhật trong kỳ báo cáo tiếp theo;
- (3) Chúng tôi xin hoàn toàn chịu trách nhiệm trước Pháp luật về tính chính xác và trung thực của nội dung báo cáo.

Kế toán trưởng

**Trưởng bộ phận
Kiểm soát nội bộ**

Quyền Tổng Giám đốc



Hứa Chí Hùng



Võ Văn Vân



Nguyễn Ngọc Chung

10
00
ÁCH
EWA
VI
17

CÔNG TY TNHH CHỨNG KHOÁN ACB

BÁO CÁO TỶ LỆ AN TOÀN TÀI CHÍNH
TẠI NGÀY 30 THÁNG 6 NĂM 2012

I BẢNG TỔNG HỢP CÁC CHỈ TIÊU RỦI RO VÀ VỐN KHẢ DỤNG

STT	Các chỉ tiêu	Giá trị rủi ro/ vốn khả dụng	Ghi chú (nếu có)
1	Tổng giá trị rủi ro thị trường	445.853.767.316	
2	Tổng giá trị rủi ro thanh toán	16.017.568.851	
3	Tổng giá trị rủi ro hoạt động	125.143.118.701	
4	Tổng giá trị rủi ro (4 = 1 + 2 +3)	587.014.454.868	
5	Vốn khả dụng	1.863.387.768.463	
6	Tỷ lệ an toàn Vốn khả dụng (6 =5/4)	317,4%	

CÔNG TY TNHH CHỨNG KHOÁN ACB

BÁO CÁO TỶ LỆ AN TOÀN TÀI CHÍNH
TẠI NGÀY 30 THÁNG 6 NĂM 2012

II BẢNG TÍNH VỐN KHẢ DỤNG

STT	NỘI DUNG	Vốn khả dụng		
		VKD (1)	Khoản giảm trừ (2)	Khoản tăng thêm (3)
A	Nguồn vốn			
1	Vốn chủ sở hữu không bao gồm cổ phần ưu đãi hoàn lại (nếu có)	1.500.000.000.000		
2	Thặng dư vốn cổ phần	-		
3	Cổ phiếu quỹ	-		
4	Quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ	61.804.643.173		
5	Quỹ đầu tư phát triển	-		
6	Quỹ dự phòng tài chính	82.427.044.055		
7	Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	-		
8	Lợi nhuận lũy kế và lợi nhuận chưa phân phối trước khi trích lập các khoản dự phòng theo quy định của pháp luật	279.852.217.668		
9	Chênh lệch đánh giá lại tài sản (50% tăng thêm hoặc 100% giảm đi)	-		
10	Chênh lệch tỷ giá hối đoái	-		
11	Lợi ích của cổ đông thiểu số	-		
12	Các khoản nợ có thể chuyển đổi	-		
13	Toàn bộ phần giảm đi hoặc tăng thêm của các chứng khoán tại chỉ tiêu đầu tư tài chính		429.842.759.670	506.517.686.569
1A	Tổng			2.000.758.831.795

CÔNG TY TNHH CHỨNG KHOÁN ACB

BÁO CÁO TỶ LỆ AN TOÀN TÁI CHÍNH
TẠI NGÀY 30 THÁNG 6 NĂM 2012

II BẢNG TÍNH VỐN KHẢ DỤNG (tiếp theo)

STT	NỘI DUNG	VKD (1)	Vốn khả dụng	
			Khoản giảm trừ (2)	Khoản tăng thêm (3)
B	Tài sản ngắn hạn			
I	Tiền và các khoản tương đương tiền			
II	Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn			
1.	Đầu tư ngắn hạn			
	Chứng khoán tiềm ẩn rủi ro thị trường theo quy định tại khoản 2 Điều 8			
	Chứng khoán bị giảm trừ khỏi vốn khả dụng theo quy định khoản 5 Điều 5			
2.	Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn (*)			
III	Các khoản phải thu ngắn hạn		4.758.766.558	
1.	Phải thu của khách hàng			
	Phải thu của khách hàng có thời hạn thanh toán còn lại từ 90 ngày trở xuống			
	Phải thu của khách hàng có thời hạn thanh toán còn lại trên 90 ngày			
2.	Trả trước cho người bán		686.728.000	
3.	Phải thu nội bộ ngắn hạn			
	Phải thu nội bộ có thời hạn thanh toán còn lại từ 90 ngày trở xuống			
	Phải thu nội bộ có thời hạn thanh toán còn lại trên 90 ngày			
4.	Phải thu hoạt động giao dịch chứng khoán			
	Phải thu hoạt động giao dịch chứng khoán có thời hạn thanh toán còn lại từ 90 ngày trở xuống			
	Phải thu hoạt động giao dịch chứng khoán có thời hạn thanh toán còn lại trên 90 ngày			
5.	Phải thu hoạt động giao dịch chứng khoán có thời hạn thanh toán còn lại trên 90 ngày		3.500.000.000	
	Các khoản phải thu khác			
	Phải thu khác có thời hạn thanh toán còn lại từ 90 ngày trở xuống			
	Phải thu khác có thời hạn thanh toán còn lại trên 90 ngày		572.038.558	
6.	Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi (*)			
IV	Hàng tồn kho			
V	Tài sản ngắn hạn khác		1.062.564.039	
1.	Chi phí trả trước ngắn hạn		1.034.564.039	
2.	Thuế GTGT được khấu trừ			
3.	Thuế và các khoản phải thu nhà nước			
4.	Tài sản ngắn hạn khác			
4.1	Tạm ứng			
	Tạm ứng có thời hạn hoàn ứng còn lại từ 90 ngày trở xuống			
	Tạm ứng có thời hạn hoàn ứng còn lại trên 90 ngày			
4.2	Phải thu khác, tài sản ngắn hạn khác		28.000.000	
1B	Tổng			5.821.330.597

CÔNG TY TNHH CHỨNG KHOÁN ACB

BÁO CÁO TỶ LỆ AN TOÀN TÀI CHÍNH
TẠI NGÀY 30 THÁNG 6 NĂM 2012

II BẢNG TÍNH VỐN KHẢ DỤNG (tiếp theo)

STT	NỘI DUNG	Vốn khả dụng		
		VKD (1)	Khoản giảm trừ (2)	Khoản tăng thêm (3)
C	Tài sản dài hạn			
I	Các khoản phải thu dài hạn			
1.	Phải thu dài hạn của khách hàng			
	Phải thu dài hạn của khách hàng có thời hạn thanh toán còn lại từ 90 ngày trở xuống			
	Phải thu dài hạn của khách hàng có thời hạn thanh toán còn lại trên 90 ngày			
2.	Vốn kinh doanh ở đơn vị trực thuộc			
3.	Phải thu dài hạn nội bộ			
	Phải thu dài hạn nội bộ có thời hạn thanh toán còn lại từ 90 ngày trở xuống			
	Phải thu dài hạn nội bộ có thời hạn thanh toán còn lại trên 90 ngày			
4.	Phải thu dài hạn khác			
	Phải thu dài hạn khác có thời hạn thanh toán còn lại từ 90 ngày trở xuống			
	Phải thu dài hạn khác có thời hạn thanh toán còn lại trên 90 ngày			
1.5	Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi (*)			
II	Tài sản cố định		59.702.803.480	
III	Bất động sản đầu tư			
IV	Các khoản đầu tư tài chính dài hạn		50.000.000.000	
1.	Đầu tư vào công ty con		50.000.000.000	
2.	Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh			
3.	Đầu tư chứng khoán dài hạn			
	Chứng khoán tiềm ẩn rủi ro thị trường theo quy định tại khoản 2 Điều 8			
	Chứng khoán bị giảm trừ khỏi vốn khả dụng theo quy định tại khoản 5 Điều 5			
4.	Đầu tư dài hạn khác			
5.	Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn (*)			
V	Tài sản dài hạn khác		21.846.929.255	
	Các chỉ tiêu tài sản bị coi là khoản ngoại trừ tại báo cáo tài chính năm đã được kiểm toán mà không bị tính giảm trừ theo quy định tại Điều 5			
1C	Tổng			131.549.732.735
VỐN KHẢ DỤNG = 1A-1B-1C				1.863.387.768.463

CÔNG TY TNHH CHỨNG KHOÁN ACB

BÁO CÁO TỶ LỆ AN TOÀN TÁI CHÍNH
TẠI NGÀY 30 THÁNG 6 NĂM 2012

III BẢNG TÍNH GIÁ TRỊ RỦI RO

A. RỦI RO THỊ TRƯỜNG			
Các hạng mục đầu tư	Hệ số rủi ro (1)	Quy mô rủi ro (2)	Giá trị rủi ro
			(3) = (1) x (2)
I. Tiền và các khoản tương đương tiền, công cụ thị trường tiền tệ			
1. Tiền mặt (VND)	0%	58.858.363.808	-
2. Các khoản tương đương tiền	0%		
3. Giấy tờ có giá, công cụ chuyển nhượng trên thị trường tiền tệ	0%		
II. Trái phiếu Chính phủ			
4. Trái phiếu Chính phủ không trả lãi	0%		
5. Trái phiếu Chính phủ trả lãi suất cố định			
5.1			
Trái phiếu Chính phủ, Trái phiếu Chính phủ các nước thuộc khối OECD hoặc được bảo lãnh bởi Chính phủ hoặc Ngân hàng Trung ương của các nước thuộc khối này, Trái phiếu được phát hành bởi các tổ chức quốc tế IBRD, ADB, IADB, AfDB, EIB và EBRD			
	3%		
Trái phiếu công trình được Chính phủ, Bộ Tài chính bảo lãnh có thời gian đáo hạn còn lại dưới 1 năm;			
	3%		
Trái phiếu công trình được Chính phủ, Bộ Tài chính bảo lãnh có thời gian đáo hạn còn lại từ 1 tới 5 năm;			
	4%		
Trái phiếu công trình được Chính phủ, Bộ Tài chính bảo lãnh có thời gian đáo hạn còn lại từ 5 năm trở lên;			
	5%		
III.			1.492.080.000
Trái phiếu doanh nghiệp			
Trái phiếu niêm yết có thời gian đáo hạn còn lại dưới 1 năm, kể cả trái phiếu chuyển đổi			
6.	8%		
Trái phiếu niêm yết có thời gian đáo hạn từ 1 tới 5 năm, kể cả trái phiếu chuyển đổi			
	15%		
Trái phiếu niêm yết có thời gian đáo hạn từ 5 năm trở lên, kể cả trái phiếu chuyển đổi			
	20%		
Trái phiếu không niêm yết có thời gian đáo hạn còn lại dưới 1 năm, kể cả trái phiếu chuyển đổi			
	25%		
Trái phiếu không niêm yết có thời gian đáo hạn từ 1 tới 5 năm, kể cả trái phiếu chuyển đổi			
7.	30%	4.973.600.000	1.492.080.000
Trái phiếu không niêm yết có thời gian đáo hạn từ 5 năm trở lên, kể cả trái phiếu chuyển đổi			
	40%		

CÔNG TY TNHH CHỨNG KHOÁN ACB

BÁO CÁO TỶ LỆ AN TOÀN TÁI CHÍNH
TẠI NGÀY 30 THÁNG 6 NĂM 2012

III BẢNG TÍNH GIÁ TRỊ RỦI RO (tiếp theo)

A.	RỦI RO THỊ TRƯỜNG (tiếp theo)	Hệ số rủi ro		Quy mô rủi ro (2)	Giá trị rủi ro (3) = (1) x (2)
		(1)	(2)		
Các hạng mục đầu tư					
IV.	Cổ phiếu				382.612.701.485
8.	Cổ phiếu phổ thông, cổ phiếu ưu đãi của các tổ chức niêm yết tại Sở Giao dịch Chứng khoán Hồ Chí Minh; chứng chỉ quỹ mở	10%	2.124.650.415.300		212.465.041.530
9.	Cổ phiếu phổ thông, cổ phiếu ưu đãi của các tổ chức niêm yết tại Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội	15%	55.108.930.100		8.266.339.515
10.	Cổ phiếu phổ thông, cổ phiếu ưu đãi các công ty đại chúng chưa niêm yết, đăng ký giao dịch qua hệ thống UpCom	20%	119.700		23.940
11.	Cổ phiếu phổ thông, cổ phiếu ưu đãi của các công ty đại chúng đã đăng ký lưu ký, nhưng chưa niêm yết hoặc đăng ký giao dịch; cổ phiếu đang trong đợt phát hành lần đầu (IPO)	30%	83.633.289.300		25.089.986.790
12.	Cổ phiếu của các công ty đại chúng khác	50%	273.582.619.420		136.791.309.710
V.	Chứng chỉ quỹ đầu tư chứng khoán				
13.	Quỹ đại chúng	10%	21.000.000.000		2.100.000.000
14.	Quỹ thành viên	30%			
VI.	Chứng khoán bị hạn chế giao dịch				
15.	Chứng khoán bị tạm ngừng giao dịch	40%			-
16.	Chứng khoán bị huỷ niêm yết, huỷ giao dịch	50%			
VII.	Chứng khoán khác				
17.	Cổ phần, phần vốn góp và các loại chứng khoán khác	80%	1.692.231.064		1.353.784.851
VIII.	Rủi ro tăng thêm (nếu có)				58.282.880.980
	Mã chứng khoán	Mức tăng thêm	Quy mô rủi ro		Giá trị rủi ro
1.	EIB	30%	167.011.102.000		50.103.330.600
2.	VCB	20%	37.447.282.300		7.489.456.460
3.	HT1	10%	6.900.939.200		690.093.920
A.	TỔNG GIÁ TRỊ RỦI RO THỊ TRƯỜNG (A= I+II+III+IV+V+VI+VII+VIII)				445.853.767.316

CÔNG TY TNHH CHỨNG KHOÁN ACB

BÁO CÁO TỶ LỆ AN TOÀN TÁI CHÍNH
TẠI NGÀY 30 THÁNG 6 NĂM 2012

III BẢNG TÍNH GIÁ TRỊ RỦI RO (tiếp theo)

B.	RỦI RO THANH TOÁN	Loại hình giao dịch	Giá trị rủi ro						Tổng giá trị rủi ro	
			(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)		
I.	Rủi ro trước thời hạn thanh toán								14.512.429.951	
1.	Tiền gửi kỳ hạn và các khoản tiền cho vay không có tài sản bảo đảm									
2.	Cho vay chứng khoán									
3.	Vay chứng khoán									
4.	Hợp đồng mua chứng khoán có cam kết bán lại									
5.	Hợp đồng bán chứng khoán có cam kết mua lại									
6.	Hợp đồng cho vay mua ký quỹ (cho khách hàng vay mua chứng khoán)/Các thoả thuận kinh tế có cùng bản chất							14.512.429.951	14.512.429.951	
II.	Rủi ro quá thời hạn thanh toán								1.505.865.900	
	Thời gian quá hạn								Giá trị rủi ro	
1.	0 - 15 ngày sau thời hạn thanh toán, chuyển giao chứng khoán						Hệ số rủi ro 16%		Quy mô rủi ro	
2.	16 - 30 ngày sau thời hạn thanh toán, chuyển giao chứng khoán						32%			
3.	31 - 60 ngày sau thời hạn thanh toán, chuyển giao chứng khoán						48%			
4.	Từ 60 ngày trở đi						100%		1.505.865.900	
III.	Rủi ro tăng thêm (nếu có)									
	Chi tiết tới từng khoản vay, tới từng đối tác						Mức tăng thêm		Quy mô rủi ro	Giá trị rủi ro
B.	TỔNG GIÁ TRỊ RỦI RO THANH TOÁN (B=I+II+III)								16.017.568.851	

CÔNG TY TNHH CHỨNG KHOÁN ACB

**BÁO CÁO TỶ LỆ AN TOÀN TÁI CHÍNH
TẠI NGÀY 30 THÁNG 6 NĂM 2012**

III BẢNG TÍNH GIÁ TRỊ RỦI RO (tiếp theo)

C. RỦI RO HOẠT ĐỘNG (TÍNH TRONG VÒNG 12 THÁNG)		
I.	Tổng chi phí hoạt động phát sinh trong vòng 12 tháng	263.776.271.062
II.	Các khoản giảm trừ khỏi tổng chi phí	(236.796.203.741)
	1. Chi phí khấu hao	8.167.056.333
	2. Dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán ngắn hạn	(284.092.454.952)
	3. Dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán dài hạn	37.373.063.028
	4. Dự phòng phải thu khó đòi	1.756.131.850
III.	Tổng chi phí sau khi giảm trừ (III = I - II)	500.572.474.803
IV.	25% Tổng chi phí sau khi giảm trừ (IV = 25% III)	125.143.118.701
V.	20% Vốn pháp định của tổ chức kinh doanh chứng khoán	60.000.000.000
C. TỔNG GIÁ TRỊ RỦI RO HOẠT ĐỘNG (C=Max {IV, V})		125.143.118.701
D. TỔNG GIÁ TRỊ RỦI RO (A+B+C)		587.014.454.868

Ghi chú:

- (1): Giá trị rủi ro thanh toán đối với Chính phủ, các tổ chức phát hành được Chính phủ bảo lãnh, Bộ Tài chính bảo lãnh, Ngân hàng Nhà nước, Chính phủ và Ngân hàng Trung ương các nước thuộc khối OECD; Ủy ban Nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương;
- (2): Giá trị rủi ro thanh toán đối với Sở Giao dịch Chứng khoán, Trung tâm Lưu ký Chứng khoán
- (3): Giá trị rủi ro thanh toán đối với Tổ chức tín dụng, tổ chức tài chính, tổ chức kinh doanh chứng khoán được thành lập ở các nước thuộc khối OECD
- (4): Giá trị rủi ro thanh toán đối với Tổ chức tín dụng, tổ chức tài chính, tổ chức kinh doanh chứng khoán được thành lập ngoài các nước OECD
- (5): Giá trị rủi ro thanh toán đối với Tổ chức tín dụng, tổ chức tài chính, tổ chức kinh doanh chứng khoán thành lập và hoạt động tại Việt Nam
- (6): Giá trị rủi ro thanh toán đối với các tổ chức cá nhân khác